

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	33/27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	33/33	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhò, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	8538,7	7.7
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	850	
VI	Tổng diện tích các phòng	1654	
1	Diện tích phòng học (m ²)	13,383	
2	Diện tích thư viện (m ²)	140	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	43	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	43	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	43	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	50	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	36	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18	
10	Diện tích phòng Hội đồng (m ²)	112	
11	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	43	
12	Diện tích phòng y tế	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có		

	theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	50 bộ/lớp	
1.2	Khối lớp 2	3 bộ/ lớp	
1.3	Khối lớp 3	3 bộ/ lớp	
1.4	Khối lớp 4	3 bộ/ lớp	
1.5	Khối lớp 5	3 bộ/ lớp	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2	02 bộ/lớp	
2.3	Khối lớp 3	03 bộ/lớp	
2.4	Khối lớp 4	02 bộ/lớp	
2.5	Khối lớp 5	03 bộ/lớp	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	21 máy tính	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Ngày 18 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature in blue ink]

Lại Thị Thanh Linh